Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8524.99.00

Mã HS	8524.99.00
Mô tả hàng hóa	Mô-đun màn hình dẹt, có hoặc không tích hợp màn hình cảm ứng / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 02:24:59
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85249900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15580
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15580
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15580
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)/0 (-KH)/0	0 (-KH)/0 (-KH)/0	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
AHKFTA	0/*/*	0 / * / * (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VCFTA	0/0/0	0 / 0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VKFTA	0/0/0	0 / 0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-EAEU	0/*/*	0 / * / * (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)			AC!14901
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14836
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14836
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14836
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14836
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14836
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14836
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14890
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14890
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14890
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14890

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14890
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14890
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14891
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14891
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14891
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14891
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14891
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14891
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14894
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14842
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14850
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14850
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14850
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14850
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14850
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14850
VKFTA	2022	2022		VK!14887
VKFTA	2023	2023		VK!14887
VKFTA	2024	2024		VK!14887
VKFTA	2025	2025		VK!14887
VKFTA	2026	2026		VK!14887
VKFTA	2027	2027		VK!14887
VCFTA	2022	2022		VC!14942
VCFTA	2023	2023		VC!14942
VCFTA	2024	2024		VC!14942
VCFTA	2025	2025		VC!14942

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026		VC!14942
VCFTA	2027	2027		VC!14942
VN-EAEU	2022	2022		EAV!14921
VN-EAEU	2023	2023		EAV!14921
VN-EAEU	2024	2024		EAV!14921
VN-EAEU	2025	2025		EAV!14921
VN-EAEU	2026	2026		EAV!14921
VN-EAEU	2027	2027		EAV!14921
AHKFTA	2022	2022		AKH!14919
AHKFTA	2023	2023		AKH!14919
AHKFTA	2024	2024		AKH!14919
AHKFTA	2025	2025		AKH!14919
AHKFTA	2026	2026		AKH!14919
AHKFTA	2027	2027		AKH!14919
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14928
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14928
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14928
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14928
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14928
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14928
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14927
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14927
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14927
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14927
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14927
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14927

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14920
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14920
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14920
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14920
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14920
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14920
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14920
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14915
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14915
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14915
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14915
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14915
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14915
RCEP B	2022	2022	0	B!D14915
RCEP B	2023	2023	0	B!E14915
RCEP B	2024	2024	0	B!F14915
RCEP B	2025	2025	0	B!G14915
RCEP B	2026	2026	0	B!H14915
RCEP B	2027	2027	0	B!I14915
RCEP C	2022	2022	0	C!D14915
RCEP C	2023	2023	0	C!E14915
RCEP C	2024	2024	0	C!F14915
RCEP C	2025	2025	0	C!G14915
RCEP C	2026	2026	0	C!H14915
RCEP C	2027	2027	0	C!I14915
RCEP D	2022	2022	0	D!D14914

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14914
RCEP D	2024	2024	0	D!F14914
RCEP D	2025	2025	0	D!G14914
RCEP D	2026	2026	0	D!H14914
RCEP D	2027	2027	0	D!I14914
RCEP E	2022	2022	0	E!D14918
RCEP E	2023	2023	0	E!E14918
RCEP E	2024	2024	0	E!F14918
RCEP E	2025	2025	0	E!G14918
RCEP E	2026	2026	0	E!H14918
RCEP E	2027	2027	0	E!I14918
RCEP F	2022	2022	0	F!D14915
RCEP F	2023	2023	0	F!E14915
RCEP F	2024	2024	0	F!F14915
RCEP F	2025	2025	0	F!G14915
RCEP F	2026	2026	0	F!H14915
RCEP F	2027	2027	0	F!I14915
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13894
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13894
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13894
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13894

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8524.99.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8524.99.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8524.99.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8524.99.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15580), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.